

Số: /KH-UBND

Cần Thơ, ngày tháng 4 năm 2026

KẾ HOẠCH
Phát triển kinh tế số thành phố Cần Thơ giai đoạn 2026 - 2030

Thực hiện Quyết định số 411/QĐ-TTg ngày 31 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Kế hoạch phát triển kinh tế số thành phố Cần Thơ giai đoạn 2026 - 2030, với các nội dung như sau:

I. CƠ SỞ PHÁP LÝ

1. Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

2. Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03 tháng 6 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”.

3. Quyết định số 411/QĐ-TTg ngày 31 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

4. Kế hoạch số 22-KH/TU ngày 09 tháng 9 năm 2025 của Thành ủy Cần Thơ hành động thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

5. Kế hoạch số 65/KH-UBND ngày 06 tháng 02 năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố thực hiện Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, cập nhật Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Nâng cao năng suất và chất lượng tăng trưởng kinh tế dựa trên việc số hóa các ngành, phát triển mạnh mẽ các ngành kinh tế số lõi, đồng thời thúc đẩy hình thành và mở rộng các mô hình kinh doanh mới dựa trên công nghệ số. Xây dựng một

hệ sinh thái số bền vững, bao trùm, bảo đảm an toàn thông tin và an ninh mạng; triển khai mô hình tăng trưởng mới gắn với nghiên cứu, ứng dụng khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo và tận dụng cơ hội từ cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Trọng tâm là đẩy nhanh chuyển đổi số trong doanh nghiệp, nông nghiệp, du lịch, giáo dục, y tế, thương mại điện tử và logistics; đồng thời phát triển các ngành kinh tế mới như công nghệ tài chính và các nền tảng dịch vụ trực tuyến, qua đó tạo động lực tăng trưởng bền vững, nâng cao năng suất lao động và góp phần khẳng định vị thế, đưa kinh tế số trở thành động lực tăng trưởng chủ yếu, đóng góp quan trọng vào GRDP thành phố Cần Thơ, hướng tới mục tiêu tăng trưởng vượt bậc 02 con số giai đoạn 2026 - 2030.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Mục tiêu năm 2026:

- Tỷ trọng kinh tế số trên GRDP đạt tối thiểu 14,5%;
- Có hơn 40% doanh nghiệp vừa và nhỏ ứng dụng công nghệ số;
- Có 55% doanh nghiệp nhỏ và vừa ứng dụng hình thức thương mại điện tử;
- Hơn 80% doanh nghiệp sử dụng hợp đồng điện tử;
- 80% tỷ lệ giao dịch không dùng tiền mặt trên địa bàn thành phố;
- Tỷ lệ phủ sóng mạng 5G trên địa bàn $\geq 70\%$;
- Trên 80% hộ gia đình có khả năng tiếp cận mạng Internet băng rộng cáp quang với tốc độ 1Gb/s.

b) Mục tiêu đến năm 2030:

- Tỷ trọng giá trị tăng thêm của kinh tế số trong GRDP đạt tối thiểu 30%;
- Tỷ trọng kinh tế số trong từng ngành, lĩnh vực đạt tối thiểu 20%;
- Tỷ trọng thương mại điện tử trong tổng mức bán lẻ đạt trên 20%;
- Tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng hợp đồng điện tử đạt 100%;
- Tỷ lệ doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nền tảng số đạt trên 90%;
- Tỷ lệ doanh nghiệp nhỏ và vừa ứng dụng các hình thức thương mại điện tử trên 70%;
- Tỷ lệ nhân lực lao động kinh tế số chiếm tối thiểu 20% lực lượng lao động;
- 100% phủ sóng mạng 5G trên địa bàn;
- 100% hộ gia đình có khả năng tiếp cận mạng Internet băng rộng cáp quang với tốc độ 1Gb/s;
- Tỷ lệ trang trại, hợp tác xã nông nghiệp sử dụng nền tảng số phục vụ quản trị hoạt động đạt tối thiểu 50%;

- Xây dựng Trung tâm Khởi nghiệp và Đổi mới sáng tạo thành phố Cần Thơ mang tầm khu vực và vùng Đồng bằng sông Cửu Long;

- Hình thành hệ sinh thái doanh nghiệp công nghệ số trên địa bàn thành phố Cần Thơ với khoảng 100 doanh nghiệp vào năm 2030, trong đó: khoảng 30 startup công nghệ số hoạt động thường xuyên, 70 doanh nghiệp công nghệ số nhỏ và vừa được hỗ trợ chuyển đổi số và tham gia chuỗi giá trị, có từ 03 đến 05 doanh nghiệp công nghệ số chủ lực của thành phố;

- Hoàn thiện đưa vào hoạt động 02 Khu Công nghệ số tập trung.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Phát triển doanh nghiệp số

a) Xây dựng hoàn chỉnh hạ tầng Khu công nghệ thông tin tập trung Cần Thơ; hạ tầng Khu Công nghệ số Hậu Giang và hỗ trợ chính sách ưu đãi cho các doanh nghiệp đầu tư vào các Khu này;

b) Ưu tiên phát triển các ngành công nghiệp công nghệ số chuyên sâu như công nghiệp công nghệ thông tin, viễn thông, công nghiệp điện tử bán dẫn, thiết kế chip, trí tuệ nhân tạo, nội dung số và các dịch vụ số cốt lõi để tạo nền tảng vững chắc cho kinh tế số thành phố;

c) Thường xuyên tổ chức chương trình kết nối doanh nghiệp công nghệ số Cần Thơ với các tập đoàn lớn, doanh nghiệp quốc gia (MNEs) để nắm yêu cầu kỹ thuật, tiêu chuẩn chuỗi cung ứng; hội nghị kết nối cung cầu với doanh nghiệp công nghệ số theo từng lĩnh vực cụ thể của địa phương (truy xuất nguồn gốc, ứng dụng AI công...); rà soát, tổng hợp và công bố công khai các bài toán lớn của địa phương;

d) Hỗ trợ doanh nghiệp công nghệ số Cần Thơ tham gia hội chợ, triển lãm công nghệ trong nước và quốc tế; tổ chức gian hàng chung, sự kiện “Cần Thơ - Đồng bằng sông Cửu Long số”, đưa doanh nghiệp công nghệ số vươn ra toàn cầu;

đ) Hỗ trợ doanh nghiệp giới thiệu sản phẩm dịch vụ công nghệ đến cơ quan nhà nước, doanh nghiệp và thị trường;

e) Tổ chức các hội nghị, hội thảo, tọa đàm, đối thoại với doanh nghiệp công nghệ số trên địa bàn thành phố để định hướng, định hình phát triển doanh nghiệp công nghệ số chủ lực của thành phố; thực hiện kết nối cung cầu, hình thành chuỗi cung ứng sản phẩm, dịch vụ số, tiếp cận thị trường tiềm năng;

g) Triển khai các chương trình đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực doanh nghiệp công nghệ số (đào tạo, tập huấn về quản trị doanh nghiệp công nghệ số, chuyển đổi số, sở hữu trí tuệ cho lãnh đạo và đội ngũ quản lý doanh nghiệp; hỗ trợ tư vấn, đánh giá và cấp chứng nhận cho doanh nghiệp áp dụng các quy trình sản xuất,

quản lý chất lượng tiên tiến theo chuẩn quốc tế (CMMi, ISO,...) để nâng cao uy tín sản phẩm “Make in Viet Nam”).

2. Phát triển kinh tế số ngành, lĩnh vực

a) Nông nghiệp và Môi trường:

- Xây dựng và tổ chức triển khai Kế hoạch chuyển đổi số cho ngành Nông nghiệp thành phố, xây dựng hệ sinh thái nông nghiệp thông minh, chuyển dịch từ sản xuất nông nghiệp sang kinh tế số nông nghiệp;

- Hỗ trợ đưa các sản phẩm nông nghiệp lên sàn thương mại điện tử, ứng dụng công nghệ IoT và dữ liệu lớn trong quản lý sản xuất nông nghiệp để tối ưu hóa quy trình và tăng giá trị sản phẩm. Triển khai các giải pháp công nghệ số phục vụ truy xuất nguồn gốc, xây dựng nền tảng dữ liệu nông nghiệp (dữ liệu về đất đai, thời tiết, cây trồng) để liên thông với nền tảng quốc gia, phục vụ sản xuất và dự báo thị trường;

- Tổ chức triển khai phổ cập kỹ năng số cho người nông dân theo hướng tuyên truyền, phổ biến qua phương tiện truyền thông cơ sở; qua hệ thống Hội Nông dân; tuyên truyền, vận động, hướng dẫn, hỗ trợ nông dân chuyển đổi số trong quá trình tổ chức sản xuất nông nghiệp và tham gia vào phát triển kinh tế số ngành;

- Xây dựng và tổ chức triển khai Kế hoạch phát triển kinh tế số trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường, phát triển kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, sử dụng năng lượng tái tạo và carbon thấp, thân thiện với môi trường;

- Triển khai hạ tầng số, nền tảng dữ liệu số ngành Nông nghiệp và Môi trường, ưu tiên xây dựng nền tảng dữ liệu đất đai, bản đồ số bảo đảm cung cấp, chia sẻ dữ liệu, thông tin, hình thành các dịch vụ, mô hình kinh doanh mới, khai thác hiệu quả hệ sinh thái số về nông nghiệp và môi trường, đóng góp các nền tảng số cho phát triển kinh tế số.

b) Y tế: Tập trung triển khai các nền tảng về chăm sóc sức khỏe và tư vấn khám chữa bệnh từ xa; Hồ sơ sức khỏe điện tử; triển khai hồ sơ bệnh án điện tử tiến tới không sử dụng hồ sơ bệnh án giấy, thanh toán viện phí không dùng tiền mặt; triển khai nền tảng quản lý đơn thuốc điện tử quốc gia tại tất cả các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh công lập và tư nhân trên địa bàn thành phố; triển khai các nền tảng quản trị y tế thông minh dựa trên công nghệ số;

c) Giáo dục: Xây dựng và tổ chức triển khai Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo. Triển khai nền tảng số dạy, học trực tuyến, kết nối, phục vụ trực tuyến toàn trình cho công tác giảng dạy - học tập - thi cử cho học sinh, sinh viên, giáo viên, từ đó, hình thành hệ sinh thái phát triển giáo dục số. Triển khai xây dựng kho cơ sở dữ liệu, tài liệu điện tử cho ngành Giáo dục và Đào tạo của thành phố;

d) Du lịch và phát triển công nghiệp văn hoá:

- Xây dựng và tổ chức triển khai Kế hoạch phát triển kinh tế số trong lĩnh vực du lịch. Ứng dụng chuyển đổi số trong du lịch, thu thập, chuẩn hóa, mở dữ liệu và cung cấp dữ liệu mở phục vụ hoạch định chính sách, lập kế hoạch kinh doanh nhằm tối ưu hóa, cải thiện chất lượng dịch vụ. Cập nhật thường xuyên thông tin, dữ liệu số về khu du lịch, điểm du lịch, cơ sở dịch vụ du lịch;

- Triển khai nền tảng quản trị và kinh doanh du lịch quốc gia nhằm phục vụ chuyển đổi số cho các doanh nghiệp du lịch; hỗ trợ doanh nghiệp du lịch kết nối, đổi mới sáng tạo trong hoạt động kinh doanh du lịch, tạo ra các gói du lịch hấp dẫn cho từng phân khúc khách du lịch;

- Xây dựng mạng lưới hệ thống bảo tàng số, kết nối, chia sẻ tài nguyên tri thức từ hệ thống tư liệu tại các bảo tàng trên cả nước.

đ) Thương mại điện tử và thanh toán số:

- Triển khai các hoạt động thúc đẩy phát triển thương mại điện tử và thanh toán không dùng tiền mặt. Điều tra thống kê, khảo sát hoạt động thương mại điện tử trên địa bàn thành phố; tổ chức phiên chợ thanh toán không dùng tiền mặt; hỗ trợ các doanh nghiệp lên sàn thương mại điện tử uy tín; tổ chức các chương trình xúc tiến thương mại sản phẩm thành phố Cần Thơ trên các nền tảng mua sắm trực tuyến và các nhiệm vụ khác phục vụ phát triển thương mại điện tử;

- Thúc đẩy thương mại điện tử xuyên biên giới, triển khai các cổng thương mại điện tử xuyên biên giới và hình thành mạng lưới bưu chính trong quy hoạch hạ tầng thông tin để hỗ trợ doanh nghiệp kinh doanh quốc tế;

- Triển khai các Chương trình thúc đẩy dịch vụ thanh toán số, tập trung ưu tiên ở những nơi có tỷ lệ còn ở mức thấp. Hướng dẫn, triển khai Chương trình hỗ trợ các chợ, bệnh viện, trường học thực hiện thanh toán không dùng tiền mặt và chuyển đổi số quản trị hoạt động của đơn vị;

- Triển khai nền tảng hóa đơn điện tử; dịch vụ công trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia kết nối với Cổng thông tin điện tử ngành Thuế; các dịch vụ thuế điện tử cho người nộp thuế là tổ chức và cá nhân cho phép người nộp thuế thực hiện nộp thuế, hoàn thuế và thực hiện các dịch vụ, giao dịch thanh toán khác bằng phương thức điện tử;

- Thúc đẩy tiêu dùng sản phẩm, dịch vụ trên môi trường số, bao gồm đưa sản phẩm lên môi trường số; trang bị kỹ năng số cho người dân, cung cấp các tiện ích để người dân giao dịch trên môi trường số, tạo lập niềm tin số.

e) Công nghiệp và năng lượng:

- Cơ chế thúc đẩy chuyển đổi số công nghiệp, đặc biệt là công nghiệp chế biến, chế tạo hướng đến mô hình nhà máy thông minh, tăng trưởng xanh, bền vững và phù hợp với mô hình kinh tế tuần hoàn;

- Cơ chế điều phối hoạt động hỗ trợ chuyển đổi số cho các doanh nghiệp sản xuất công nghiệp; triển khai các dự án chuyển đổi số mẫu, qua đó dẫn dắt chuyển đổi số và đổi mới sáng tạo của doanh nghiệp sản xuất;

- Phát triển công nghệ bán dẫn (như thiết bị điện tử - viễn thông, thiết bị điện tử tiêu dùng, thiết bị điện tử y tế, thiết bị điện tử công nghiệp,...), nhất là khi ngành này đang bước vào giai đoạn chuyển đổi sang thiết bị điện tử AI, thiết bị IoT.

3. Hỗ trợ doanh nghiệp, hộ kinh doanh tham gia chuyển đổi số

a) Hỗ trợ doanh nghiệp nhất là các doanh nghiệp nhỏ và vừa, hộ kinh doanh trên địa bàn thành phố từng bước chuyển đổi mô hình sản xuất, kinh doanh, quản trị theo hướng số hóa; nâng cao năng suất lao động, năng lực cạnh tranh và khả năng tham gia chuỗi giá trị;

b) Thúc đẩy việc chuyển đổi số trong các doanh nghiệp thông qua việc áp dụng công nghệ số, cải tiến công nghệ để nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, nâng cao năng lực và lợi thế cạnh tranh, tạo ra các giá trị mới cho doanh nghiệp;

c) Tổ chức đánh giá mức độ chuyển đổi số doanh nghiệp và hỗ trợ doanh nghiệp chuyển đổi số trong ngành, lĩnh vực, địa bàn; vận động, hướng dẫn và đôn đốc doanh nghiệp trong ngành, lĩnh vực tích cực tham gia. Định kỳ tổ chức khảo sát đánh giá mức độ chuyển đổi số của các doanh nghiệp theo ngành, lĩnh vực, địa bàn đảm bảo theo quy định. Có chính sách hỗ trợ, các hình thức tôn vinh khen thưởng doanh nghiệp, hộ kinh doanh nỗ lực đạt mức độ chuyển đổi số cao để hình thành các doanh nghiệp số.

4. Phát triển nền móng hỗ trợ cho kinh tế số

a) Thể chế:

- Hàng năm tổ chức rà soát, xây dựng, sửa đổi, bổ sung ban hành các văn bản về phát triển kinh tế số phù hợp với các chỉ đạo hướng dẫn của Trung ương và điều kiện thực tế của thành phố;

- Đổi mới và nâng cao hiệu quả cơ chế thử nghiệm có kiểm soát (sandbox) cho các công nghệ, sản phẩm, dịch vụ và mô hình kinh doanh số mới, sáng tạo, đặc biệt trong các lĩnh vực chiến lược như công nghệ bán dẫn, trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, công nghệ tài chính (fintech) và các nền tảng số chuyên ngành;

- Xây dựng cơ chế, chính sách ưu đãi và đơn giản hóa thủ tục hành chính về đầu tư trong lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số để thu hút, sử dụng hiệu quả mọi nguồn lực đầu tư. Công bố danh mục các lĩnh vực, công nghệ chiến lược, các dự án trọng điểm, các khu vực có tiềm năng để thu hút, sử dụng hiệu quả mọi nguồn lực đầu tư ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số;

- Triển khai các văn bản hướng dẫn về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật ngành phục vụ phát triển kinh tế số, đặc biệt là tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về chất lượng dịch vụ số trong từng ngành, lĩnh vực;

- Bố trí ngân sách thành phố, triển khai các cơ chế, chính sách về tài chính theo quy định; bố trí vốn đầu tư công để thực hiện các dự án phát triển hạ tầng viễn thông phù hợp với đối tượng, ngành, lĩnh vực theo quy định của Luật Đầu tư công và các văn bản liên quan; triển khai các chương trình hỗ trợ chuyển đổi số cho doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp nhỏ và vừa.

b) Phát triển hạ tầng số:

- Phát triển hạ tầng kết nối mạng Internet vạn vật (IoT); xây dựng lộ trình và triển khai tích hợp cảm biến và ứng dụng công nghệ số vào các hạ tầng thiết yếu như giao thông, năng lượng, điện, nước, đô thị để chuyển đổi thành một bộ phận cấu thành quan trọng của hạ tầng số. Tất cả các dự án đầu tư xây dựng hạ tầng thiết yếu, hạ tầng giao thông, đô thị, xây dựng phải nghiên cứu, phân tích để xem xét, bổ sung hạng mục ứng dụng, kết nối mạng IoT, tích hợp cảm biến và ứng dụng công nghệ số;

- Phát triển hạ tầng viễn thông, Internet đáp ứng yêu cầu dự phòng, kết nối, an toàn, bền vững, mạng cáp quang băng thông rộng tốc độ cao, mạng thông tin di động 5G, 6G và các thế hệ tiếp theo phủ sóng toàn thành phố;

- Phát triển hạ tầng tiện ích số và công nghệ số như dịch vụ cho chuyển đổi số, trọng tâm là các nền tảng số dùng chung cho nhiều lĩnh vực kinh tế - xã hội, phục vụ các hoạt động thiết yếu của xã hội trên môi trường số;

- Xây dựng trung tâm dữ liệu hiện đại, đảm bảo khả năng lưu trữ, xử lý và phân tích dữ liệu lớn, phục vụ nhu cầu của chính quyền, doanh nghiệp và cộng đồng.

c) Phát triển dữ liệu số và nền tảng số:

- Triển khai Chiến lược dữ liệu quốc gia, Kế hoạch số 196/KH-UBND ngày 15 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố về phát triển dữ liệu thành phố Cần Thơ đến năm 2030, để phát triển kinh tế số trên địa bàn thành phố;

- Triển khai kế hoạch phát triển dữ liệu và phát triển nhân lực dữ liệu trong các lĩnh vực trọng điểm: nông nghiệp, y tế, giáo dục và đào tạo, tài nguyên và môi trường, giao thông vận tải, lao động, công nghiệp và thương mại, xây dựng, văn hóa, thể thao và du lịch. Bảo đảm dữ liệu được tạo lập tuân thủ theo định dạng máy đọc được, sẵn sàng khả năng chia sẻ, khai thác, sử dụng một cách dễ dàng;

- Khai thác hiệu quả các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu của Bộ, ngành, các địa phương để phát triển kinh tế - xã hội; kết nối, khai thác, chia sẻ hiệu quả dữ liệu giữa các cơ quan trong hệ thống chính trị; triển khai các sáng kiến mở dữ liệu để người dân, doanh nghiệp khai thác, tạo giá trị mới, đổi mới sáng tạo. Triển khai ứng dụng trí tuệ nhân tạo dựa trên dữ liệu lớn đối với một số ngành, lĩnh vực quan trọng;

- Nghiên cứu, triển khai thí điểm sàn giao dịch dữ liệu để thúc đẩy hoạt động kinh doanh, mua bán tài sản dữ liệu, nhanh chóng đưa các tập dữ liệu đáp ứng tiêu chuẩn, chất lượng vào các hoạt động sản xuất, kinh doanh của tổ chức, doanh nghiệp;

- Áp dụng triển khai sử dụng các nền tảng quốc gia do cơ quan nhà nước chủ quản, doanh nghiệp Việt Nam phát triển, làm chủ công nghệ lõi, sử dụng thống nhất trên toàn quốc, phục vụ hoạt động quản lý nhà nước hoặc cung cấp dịch vụ công phục vụ xã hội;

- Nghiên cứu đưa vào triển khai sử dụng các nền tảng số quốc gia do doanh nghiệp làm chủ quản, làm chủ công nghệ lõi, cung cấp dịch vụ phục vụ nhu cầu của cơ quan, doanh nghiệp và xã hội đảm bảo hiệu quả, đúng quy định.

d) Chuyển đổi AI:

- Xây dựng Chương trình hỗ trợ các doanh nghiệp thực hiện chuyển đổi AI, đưa AI vào các hoạt động quản trị sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp. Trong đó, nhấn mạnh vai trò của các doanh nghiệp công nghệ số trong phổ cập dịch vụ AI thông qua nghiên cứu, tích hợp AI vào các nền tảng số;

- Công nghệ AI được phổ cập, bình dân hoá, đi vào từng ngành, lĩnh vực của thành phố, góp phần nâng cao trải nghiệm người dùng, tăng năng suất lao động của nền kinh tế. Mỗi ngành, lĩnh vực cần xác định một số bài toán lớn giải quyết bằng công nghệ AI.

đ) An toàn thông tin mạng:

- Triển khai Chiến lược an toàn an ninh mạng quốc gia. Triển khai phổ cập dịch vụ an toàn thông tin mạng cơ bản giúp người dân phòng, tránh và tự bảo vệ mình trước những nguy cơ, rủi ro và sự cố mất an toàn thông tin mạng;

- Xây dựng, thiết lập hệ thống giám sát và ứng phó sự cố an ninh mạng tập trung cho toàn thành phố, đảm bảo an toàn cho các hệ thống thông tin quan trọng;

- Các tổ chức, doanh nghiệp cung cấp hạ tầng và nền tảng số phải phát triển các hệ thống nền tảng và mạng lưới hạ tầng gắn với đảm bảo an toàn, an ninh mạng, có khả năng tự sàng lọc, phát hiện tấn công và bảo vệ một cách chủ động;

- Tăng cường giám sát trên không gian mạng để kịp thời phát hiện, cảnh báo sớm các nguy cơ mất an toàn, an ninh mạng cho các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và người dân.

e) Nhân lực số:

- Tập trung nguồn lực thực hiện Nghị quyết số 107/NQ-CP ngày 09 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 45-NQ/TW ngày 24 tháng 11 năm 2023 của Ban Chấp hành

Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục xây dựng và phát huy vai trò của đội ngũ trí thức đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước nhanh và bền vững trong giai đoạn mới; các chương trình, kế hoạch phát triển nguồn nhân lực của thành phố, tập trung vào nhân lực công nghiệp bán dẫn, nhân lực phục vụ phát triển công nghệ cao, công nghệ chiến lược;

- Phối hợp với các trường đại học, cao đẳng và viện nghiên cứu trên địa bàn để triển khai các chương trình đào tạo chuyên sâu về trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, chuỗi khối, bán dẫn, an ninh mạng và các công nghệ mới nổi khác;

- Đầu tư phát triển một số cơ sở giáo dục đại học, trung tâm đào tạo tiên tiến chuyên sâu về trí tuệ nhân tạo và các lĩnh vực công nghệ chiến lược khác. Hợp tác với các doanh nghiệp trong đào tạo nguồn nhân lực công nghệ số. Triển khai ứng dụng các nền tảng số kết nối các cơ sở đào tạo với các doanh nghiệp để thúc đẩy học từ làm việc thực tế, đào tạo và đào tạo lại kỹ năng số cho người lao động;

- Xây dựng và tổ chức triển khai Chương trình dạy và học về kỹ năng số và STEM/STEAM trong giáo dục tiểu học và phổ thông. Chú trọng tập huấn, đào tạo giáo viên và trang bị đủ thiết bị, robotics, phần mềm. Khuyến khích các cơ sở giáo dục phối hợp với các tổ chức, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ đào tạo kỹ năng số, STEM/STEAM, robotics để triển khai;

- Xây dựng và phát triển các trung tâm đổi mới sáng tạo, vườn ươm công nghệ mang tầm khu vực để thúc đẩy startup và nghiên cứu ứng dụng, tạo ra một hệ sinh thái sáng tạo năng động.

g) Kỹ năng số, công dân số:

- Triển khai nền tảng đào tạo và học tập trực tuyến (Bình dân học vụ số) trên địa bàn thành phố;

- Tổ chức các chương trình đào tạo kỹ năng số cơ bản, kỹ năng số nâng cao, kỹ năng kỹ thuật cho các đối tượng là cán bộ lãnh đạo, cán bộ kỹ thuật, công nghệ thông tin và chuyên trách chuyên đổi số và công chức, viên chức, người lao động trong cơ quan nhà nước, trong các doanh nghiệp, hộ sản xuất kinh doanh. Đào tạo đạt chuẩn kỹ năng số cho sinh viên, học sinh trong các trường cao đẳng, cơ sở giáo dục nghề nghiệp, giáo dục phổ thông;

- Triển khai các chương trình thúc đẩy phát triển công dân số rộng khắp, đẩy mạnh triển khai các chương trình hỗ trợ, phổ cập kết nối số cho người dân. Khuyến khích người dân sử dụng các thiết bị IoT để quan trắc, giám sát phục vụ đời sống và hoạt động sản xuất, kinh doanh của mình;

- Tuyên truyền, hướng dẫn và khuyến khích người dân truy cập Internet, sử dụng tài khoản định danh điện tử VNeID để thực hiện các dịch vụ công trực tuyến, sử dụng các nền tảng y tế số, giáo dục số, sử dụng các mạng xã hội, mua bán trực tuyến, thanh toán điện tử và khai thác tiện ích, tài nguyên số trên Internet. Đồng thời hướng dẫn người dân về các kỹ năng an toàn, bảo mật thông tin cơ bản để có thể tự bảo vệ tài khoản, dữ liệu của mình trên không gian số.

h) Hợp tác và liên kết:

- Thúc đẩy các mô hình hợp tác công - tư trong phát triển hạ tầng và ứng dụng số, tận dụng nguồn lực và kinh nghiệm từ khu vực tư nhân. Tăng cường liên kết giữa các viện nghiên cứu, trường đại học và doanh nghiệp trong khu vực để phát triển công nghệ lõi và chuyển giao tri thức;

- Chủ động tìm kiếm và thu hút các tập đoàn công nghệ lớn trên thế giới đến đầu tư và chuyển giao công nghệ tại thành phố, đồng thời tích cực tham gia vào các diễn đàn và sáng kiến số hóa toàn cầu.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí thực hiện từ nguồn ngân sách nhà nước, các nguồn lực xã hội và các nguồn vốn hợp pháp khác để triển khai thực hiện các nhiệm vụ của Kế hoạch này theo quy định.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Khoa học và Công nghệ

a) Chủ trì, hướng dẫn, hỗ trợ Sở, ban, ngành thành phố, Ủy ban nhân dân xã, phường và các đơn vị có liên quan tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch này; theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc triển khai thực hiện của các ngành, địa phương, tổng hợp tình hình triển khai các mục tiêu, nhiệm vụ của các ngành, địa phương, định kỳ báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố và thực hiện báo cáo đột xuất khi có yêu cầu;

b) Chủ trì, phối hợp với Sở, ban, ngành thành phố có liên quan thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ được phân công tại các Phụ lục ban hành kèm theo Kế hoạch.

2. Sở Tài chính

a) Căn cứ khả năng cân đối ngân sách, tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố về kinh phí triển khai Kế hoạch phát triển kinh tế số thành phố Cần Thơ giai đoạn 2026 - 2030 theo đúng quy định;

b) Thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ được phân công thực hiện tại các Phụ lục ban hành kèm theo Kế hoạch.

3. Sở Công Thương

a) Chủ trì, phối hợp với Sở, ban, ngành thành phố, các địa phương và đơn vị có liên quan hướng dẫn, hỗ trợ doanh nghiệp, hộ kinh doanh đưa sản phẩm của mình lên các sàn thương mại điện tử và các nền tảng số;

b) Phối hợp với Ngân hàng Nhà nước chi nhánh khu vực 14, các ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng và các tổ chức trung gian thanh toán triển khai các giải pháp thúc đẩy thanh toán không dùng tiền mặt, mở rộng mạng lưới chấp nhận thanh toán điện tử tại các chợ truyền thống, hộ kinh doanh, điểm bán lẻ trên địa bàn thành phố;

c) Thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ được phân công thực hiện tại các Phụ lục ban hành kèm theo Kế hoạch.

4. Sở Nông nghiệp và Môi trường

a) Chủ trì, phối hợp với Sở, ban, ngành thành phố, các địa phương và đơn vị có liên quan triển khai nhiệm vụ phát triển nông nghiệp số, trong đó tập trung hỗ trợ đưa các sản phẩm nông nghiệp lên sàn thương mại điện tử; ứng dụng công nghệ IoT, dữ liệu lớn và chuỗi khối trong quản lý sản xuất, truy xuất nguồn gốc nhằm tối ưu hóa quy trình và nâng cao giá trị sản phẩm. Nghiên cứu xây dựng chính sách phát triển kinh tế số trong lĩnh vực nông nghiệp, nhằm thúc đẩy chuyển đổi số toàn diện trong sản xuất, chế biến và tiêu thụ nông sản.

b) Thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ được phân công thực hiện tại các Phụ lục ban hành kèm theo Kế hoạch.

5. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

a) Chủ trì, phối hợp với Sở, ban, ngành thành phố, các địa phương và đơn vị có liên quan triển khai phát triển du lịch thông minh, thúc đẩy chuyển đổi số trong lĩnh vực du lịch; triển khai các nền tảng du lịch trực tuyến của Cục Du lịch Quốc gia Việt Nam; vận động, khuyến khích các doanh nghiệp kinh doanh du lịch trên địa bàn ứng dụng công nghệ số hiện đại như thực tế tăng cường (AR), thực tế ảo (VR)... , để nâng cao trải nghiệm của du khách, tối ưu hóa hiệu quả quản lý và vận hành góp phần hình thành các sản phẩm, dịch vụ số có giá trị gia tăng cao, nâng cao năng lực cạnh tranh của ngành Du lịch thành phố;

b) Thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ được phân công thực hiện tại các Phụ lục ban hành kèm theo Kế hoạch.

6. Sở Giáo dục và Đào tạo

a) Chủ trì, phối hợp với Sở, ban, ngành thành phố, các địa phương và đơn vị có liên quan tổ chức triển khai nền tảng quản lý nội dung học tập, nền tảng quản lý học tập dùng chung cho các cơ sở đào tạo toàn thành phố. Triển khai các chương trình

dạy và học về kỹ năng số và STEM/STEAM trong giáo dục tiểu học và phổ thông, trong đó chú trọng trang bị đủ các thiết bị và tập huấn cho lực lượng giáo viên. Khuyến khích các cơ sở giáo dục phối hợp với các tổ chức, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ đào tạo kỹ năng số, STEM/STEAM, robotic;

b) Thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ được phân công thực hiện tại các Phụ lục ban hành kèm theo Kế hoạch.

7. Sở Y tế

a) Chủ trì, phối hợp với Sở, ban, ngành thành phố, các địa phương và đơn vị có liên quan tổ chức triển khai các nền tảng về chăm sóc sức khỏe và khám chữa bệnh như Hồ sơ sức khỏe điện tử, bệnh án điện tử và các nền tảng quản trị y tế thông minh dựa trên công nghệ số, đẩy mạnh việc thanh toán viện phí không dùng tiền mặt tại các bệnh viện và các cơ sở y tế của thành phố;

b) Thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ được phân công thực hiện tại các Phụ lục ban hành kèm theo Kế hoạch.

8. Ban Quản lý các khu chế xuất và công nghiệp Cần Thơ

a) Chủ trì, phối hợp với Sở, ban, ngành thành phố, các địa phương và đơn vị có liên quan nghiên cứu, đề xuất cơ chế phát triển kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn và kinh tế bền vững, trong đó xem xét tính áp dụng chung cho toàn thành phố. Nghiên cứu đề xuất cơ chế đặc thù cho Khu Công nghệ thông tin tập trung, Khu công nghệ số, Khu công nghệ cao, Khu công nghiệp hướng tới kết hợp mô hình quản lý, đầu tư và vận hành hiện đại, trình cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định;

b) Thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ được phân công thực hiện tại các Phụ lục ban hành kèm theo Kế hoạch.

9. Sở, ban, ngành thành phố, Ủy ban nhân dân xã, phường

a) Căn cứ nhiệm vụ được phân công, Sở, ban, ngành thành phố, Ủy ban nhân dân xã, phường xây dựng Kế hoạch chi tiết và tổ chức triển khai thực hiện, đảm bảo hiệu quả, tiến độ, có trọng tâm, trọng điểm và lựa chọn một công việc mang tính đột phá, triển khai có hiệu quả thiết thực nhằm phát triển kinh tế số cho thành phố. Định kỳ báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố (qua Sở Khoa học và Công nghệ) tiến độ thực hiện về các mục tiêu, nhiệm vụ được phân công thực hiện tại các Phụ lục ban hành kèm theo Kế hoạch;

b) Phối hợp với các đơn vị liên quan trong việc thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ, dự án liên ngành, các dự án về nền tảng công nghệ dùng chung của thành phố đảm bảo tính đồng bộ, kết nối chia sẻ dữ liệu.

10. Doanh nghiệp viễn thông, công nghệ số trên địa bàn thành phố

Tham gia với vai trò nòng cốt, ưu tiên triển khai các nhiệm vụ, giải pháp tạo nền móng chuyển đổi số để phát triển kinh tế số. Phối hợp thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ tại các Phụ lục ban hành kèm theo Kế hoạch.

Trên đây là Kế hoạch phát triển kinh tế số thành phố Cần Thơ giai đoạn 2026 - 2030. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc các cơ quan, đơn vị và địa phương phản ánh về Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- TT: TU, HĐND TP;
- CT, các PCT UBND TP;
- UBMTTQVN TP;
- Sở, ban, ngành TP;
- NHNN chi nhánh khu vực 14;
- UBND xã, phường;
- Các trường ĐH, CĐ;
- Các DN viễn thông, CNTT;
- Báo và PTTH CT;
- VP UBND TP (2C, 3C);
- Công TTĐT TP;
- Lưu: VT, VHQ.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Khởi

Phụ lục I
PHÂN CÔNG TRIỂN KHAI MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN KINH TẾ SỐ
THÀNH PHỐ CẦN THƠ GIAI ĐOẠN 2026 - 2030

(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày tháng 4 năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ)

STT	Mục tiêu, chỉ tiêu	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
Mục tiêu, chỉ tiêu năm 2026			
1	Tỷ trọng kinh tế số trên GRDP đạt tối thiểu 14,5%.	Sở Tài chính	- Sở, ban, ngành; - UBND xã, phường.
2	Có hơn 40% doanh nghiệp vừa và nhỏ ứng dụng công nghệ số.	Sở Khoa học và Công nghệ	- Sở, ban, ngành; - UBND xã, phường.
3	Hơn 80% doanh nghiệp sử dụng hợp đồng điện tử.	Sở Công Thương	- Sở, ban, ngành; - UBND xã, phường.
4	Có 55% doanh nghiệp nhỏ và vừa ứng dụng hình thức thương mại điện tử.	Sở Công Thương	- Sở, ban, ngành; - UBND xã, phường.
5	80% tỷ lệ giao dịch không dùng tiền mặt trên địa bàn thành phố.	Ngân hàng Nhà nước chi nhánh khu vực 14	- Sở, ban, ngành; - UBND xã, phường.
6	Tỷ lệ phủ sóng mạng 5G trên địa bàn $\geq 70\%$;	Sở Khoa học và Công nghệ	- Sở, ban, ngành; - UBND xã, phường.
7	Trên 80% hộ gia đình có khả năng tiếp cận mạng Internet băng rộng cáp quang với tốc độ 1Gb/s.	Sở Khoa học và Công nghệ	- Sở, ban, ngành; - UBND xã, phường.
Mục tiêu, chỉ tiêu đến năm 2030			
1	Tỷ trọng giá trị tăng thêm của kinh tế số trong GRDP đạt tối thiểu 30%.	Sở Tài chính	- Sở, ban, ngành; - UBND xã, phường.

STT	Mục tiêu, chỉ tiêu	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
2	Tỷ trọng kinh tế số trong từng ngành, lĩnh vực đạt tối thiểu 20%.	Sở Tài chính	- Sở, ban, ngành; - UBND xã, phường.
3	Tỷ trọng thương mại điện tử trong tổng mức bán lẻ đạt trên 20%.	Sở Công Thương	- Sở, ban, ngành; - UBND xã, phường.
4	100% doanh nghiệp sử dụng hợp đồng điện tử.	Sở Công Thương	- Sở, ban, ngành; - UBND xã, phường.
5	Tỷ lệ doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nền tảng số đạt trên 90%.	Sở Khoa học và Công nghệ	- Sở, ban, ngành; - UBND xã, phường.
6	Tỷ lệ doanh nghiệp nhỏ và vừa ứng dụng các hình thức thương mại điện tử trên 90%.	Sở Công Thương	- Sở, ban, ngành; - UBND xã, phường.
7	Hình thành hệ sinh thái doanh nghiệp công nghệ số trên địa bàn thành phố Cần Thơ với khoảng 100 doanh nghiệp vào năm 2030, trong đó: khoảng 30 startup công nghệ số hoạt động thường xuyên, 70 doanh nghiệp công nghệ số nhỏ và vừa được hỗ trợ chuyển đổi số và tham gia chuỗi giá trị, có từ 03 đến 05 doanh nghiệp công nghệ số chủ lực của thành phố.	Sở Khoa học và Công nghệ	- Sở, ban, ngành; - UBND xã, phường.
8	100% phủ sóng mạng 5G trên địa bàn.	Sở Khoa học và Công nghệ	- Sở, ban, ngành; - UBND xã, phường.
9	100% hộ gia đình có khả năng tiếp cận mạng Internet băng rộng cáp quang với tốc độ 1Gb/s.	Sở Khoa học và Công nghệ	- Sở, ban, ngành; - UBND xã, phường.

STT	Mục tiêu, chỉ tiêu	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
10	Tỷ lệ trang trại, hợp tác xã nông nghiệp (trồng trọt, chăn nuôi thủy - hải sản) sử dụng nền tảng số phục vụ quản trị hoạt động trồng trọt, chăn nuôi đạt tối thiểu 50%.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	- Sở, ban, ngành; - UBND xã, phường.
11	Hoàn thiện đưa vào hoạt động 02 Khu Công nghệ số tập trung.	Ban Quản lý các khu chế xuất và công nghiệp Cần Thơ	- Sở, ban, ngành; - UBND xã, phường.
12	Xây dựng Trung tâm Khởi nghiệp và Đổi mới sáng tạo thành phố Cần Thơ mang tầm khu vực và vùng Đồng bằng sông Cửu Long.	Sở Khoa học và Công nghệ	- Sở, ban, ngành; - UBND xã, phường.

Phụ lục II
PHÂN CÔNG TRIỂN KHAI CÁC NHIỆM VỤ PHÁT TRIỂN KINH TẾ SỐ
THÀNH PHỐ CẦN THƠ GIAI ĐOẠN 2026 - 2030

(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày _____ tháng 4 năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ)

STT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành	Kết quả/Sản phẩm phục vụ phát triển kinh tế số
Phát triển doanh nghiệp số và kinh tế số lõi					
1	Xây dựng hoàn thiện Khu công nghệ thông tin (CNTT) tập trung thành phố Cần Thơ.	Quỹ Đầu tư phát triển thành phố	- Sở Khoa học và Công nghệ; - Ban Quản lý các khu chế xuất và công nghiệp Cần Thơ.	2026-2030	Khu CNTT, Khu Công nghệ số tập trung
2	Xây dựng hoàn thiện Khu công nghệ số Hậu Giang.	Ban QLDA ĐTXDCT DDCN thành phố	- Sở Khoa học và Công nghệ; - Ban Quản lý các khu chế xuất và công nghiệp Cần Thơ.	2026-2028	Khu Công nghệ số Hậu Giang
3	Triển khai các hoạt động hỗ trợ phát triển doanh nghiệp công nghệ số, ưu tiên tập trung vào các ngành công nghiệp công nghệ thông tin, viễn thông, nội dung số.	Sở Khoa học và Công nghệ	- Sở, ban, ngành; - UBND xã, phường.	2026-2030	Phát triển được 1.000 doanh nghiệp số năm 2030
4	Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, hộ kinh doanh của thành phố tham gia chuyển đổi số.	- Sở Tài chính; - Sở Khoa học và Công nghệ.	- Sở, ban, ngành; - UBND xã, phường.	2026-2030	Các doanh nghiệp vừa và nhỏ, hộ kinh doanh được hỗ trợ chuyển đổi số trong sản xuất, kinh doanh

STT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành	Kết quả/Sản phẩm phục vụ phát triển kinh tế số
Phát triển kinh tế số ngành, lĩnh vực					
5	Triển khai các giải pháp, hoạt động để thúc đẩy phát triển thương mại điện tử và thanh toán không dùng tiền mặt trên địa bàn thành phố.	Sở Công Thương	- Sở, ban, ngành; - UBND xã, phường.	2026-2030	Phát triển thương mại điện tử và thanh toán trực tuyến tại thành phố
6	Thúc đẩy các hoạt động thương mại điện tử xuyên biên giới tại thành phố, hỗ trợ các doanh nghiệp thành phố tham gia kinh doanh trực tuyến với quốc tế.	Sở Công Thương	- Sở, ban, ngành; - UBND xã, phường.	2026-2030	Hỗ trợ các doanh nghiệp thành phố tham gia kinh doanh trực tuyến quốc tế
7	Hỗ trợ, hướng dẫn người dân, doanh nghiệp, hộ kinh doanh cá thể đăng ký và sử dụng tên miền quốc gia “.vn”.	Sở Khoa học và Công nghệ	UBND xã, phường	2026-2030	Người dân, doanh nghiệp, hộ kinh doanh, cá thể được sử dụng tên miền quốc gia “.vn” để kinh doanh trực tuyến
8	Hỗ trợ đưa các sản phẩm nông nghiệp lên các sàn thương mại điện tử.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	- Sở, ban, ngành; - UBND xã, phường.	2026-2028	Đưa nông sản của thành phố lên các sàn thương mại điện tử

STT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành	Kết quả/Sản phẩm phục vụ phát triển kinh tế số
9	Ứng dụng công nghệ IoT, AI và dữ liệu lớn vào trong việc quản lý, sản xuất nông nghiệp và phân tích nhu cầu của thị trường để tối ưu hóa quy trình, tăng giá trị sản phẩm mặt hàng nông nghiệp của thành phố.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	- Sở, ban, ngành; - UBND xã, phường.	2026-2030	Ứng dụng công nghệ vào sản xuất nông nghiệp để tăng giá trị nông sản; Sử dụng AI để phân tích nhu cầu thị trường, đặc biệt là các mặt hàng nông sản thế mạnh
10	Xây dựng nền tảng quản lý nội dung và học tập dùng chung cho các cơ sở đào tạo của thành phố.	Sở Giáo dục và Đào tạo	- Sở, ban, ngành; - UBND xã, phường.	2026-2028	Nền tảng dùng chung cho các cơ sở đào tạo của thành phố
11	Triển khai áp dụng mô hình giáo dục tích hợp khoa học - công nghệ - kỹ thuật - toán học và nghệ thuật, kinh doanh, doanh nghiệp (giáo dục STEM/STEAM/STEAME).	Sở Giáo dục và Đào tạo	- Sở, ban, ngành; - UBND xã, phường.	2026-2028	Triển khai áp dụng mô hình giáo dục STEM/STEAM/STEAME cho thành phố
12	Xây dựng và triển khai sử dụng bệnh án điện tử trong các cơ sở khám chữa bệnh của thành phố.	Sở Y tế	- Sở, ban, ngành; - UBND xã, phường.	2026-2030	Triển khai sử dụng bệnh án điện tử trong các cơ sở khám chữa bệnh của thành phố
13	Xây dựng và tổ chức triển khai nền tảng để quản lý an toàn thực phẩm cho thành phố	Sở Y tế	- Sở, ban, ngành; - UBND xã, phường.	2026-2030	Triển khai nền tảng quản lý an toàn thực phẩm cho toàn địa bàn thành phố

STT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành	Kết quả/Sản phẩm phục vụ phát triển kinh tế số
14	Triển khai phát triển du lịch thông minh, thúc đẩy chuyển đổi số trong lĩnh vực du lịch; triển khai các nền tảng du lịch trực tuyến của Cục Du lịch Quốc gia Việt Nam; vận động, khuyến khích các doanh nghiệp kinh doanh du lịch trên địa bàn ứng dụng công nghệ số hiện đại để nâng cao trải nghiệm của du khách, tối ưu hóa hiệu quả quản lý và vận hành	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	- Sở, ban, ngành; - UBND xã, phường.	2026-2030	Sử dụng các nền tảng để quảng bá các sản phẩm đặc trưng và các dịch vụ du lịch của thành phố
15	Hỗ trợ doanh nghiệp du lịch kết nối, đổi mới sáng tạo trong hoạt động kinh doanh du lịch, tạo ra các gói du lịch hấp dẫn cho từng phân khúc khách du lịch.	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	- Sở, ban, ngành; - UBND xã, phường.	2026-2030	Hỗ trợ doanh nghiệp du lịch thành phố thực hiện chuyển đổi số
Phát triển nền móng cho kinh tế số					
16	Xây dựng chính sách để thu hút các doanh nghiệp công nghệ hàng đầu trong và ngoài nước đặt trụ sở, đầu tư vào các Khu công nghệ thông tin, Khu công nghệ số, Khu Công nghệ cao thành phố.	- Sở Tài chính; - Sở Khoa học và Công nghệ; - Ban Quản lý các khu chế xuất và công nghiệp Cần Thơ.	- Sở, ban, ngành; - UBND xã, phường.	2026-2030	Thu hút được nhiều doanh nghiệp lớn trong và ngoài nước đến thành phố đầu tư

STT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành	Kết quả/Sản phẩm phục vụ phát triển kinh tế số
17	Xây dựng các cơ chế phối hợp để tiếp nhận các kết quả nghiên cứu của các trường đại học và các doanh nghiệp công nghệ hàng đầu vào ứng dụng thực tiễn để phát triển kinh tế số thành phố.	<ul style="list-style-type: none"> - Sở Tài chính; - Sở Khoa học và Công nghệ; - Ban Quản lý các khu chế xuất và công nghiệp Cần Thơ. 	<ul style="list-style-type: none"> - Sở, ban, ngành; - UBND xã, phường. 	2026-2030	Sử dụng các công trình nghiên cứu của các trường đại học, doanh nghiệp vào thực tiễn phát triển kinh tế của thành phố
18	Xây dựng công cụ (<i>phần mềm</i>) đo lường các chỉ số về kinh tế số, xã hội số thành phố.	Sở Khoa học và Công nghệ	<ul style="list-style-type: none"> - Thống kê thành phố; - Sở, ban, ngành; - UBND xã, phường. 	2026-2030	Công cụ để đo lường mức độ phát triển kinh tế số, xã hội số thành phố
19	Tổ chức các Hội nghị, Hội thảo về định hướng, giải pháp phát triển kinh tế số cho thành phố; đăng cai tổ chức các hội chợ triển lãm về công nghệ công nghệ số và dịch vụ số với quy mô quốc gia để kết nối cung cầu và thu hút vốn đầu tư cho thành phố.	<ul style="list-style-type: none"> - Sở Khoa học và Công nghệ; - Sở Tài chính; - Ban Quản lý các khu chế xuất và công nghiệp Cần Thơ. 	<ul style="list-style-type: none"> - Sở, ban, ngành; - UBND xã, phường. 	2026-2030	Ghi nhận các định hướng, giải pháp để phát triển kinh tế số thành phố; kết nối thu hút đầu tư cho thành phố.
20	Xây dựng Trung tâm dữ liệu lớn, hiện đại đáp ứng triển khai các nhiệm vụ về phát triển Chính quyền số, kinh tế số, xã hội số của thành phố.	Sở Khoa học và Công nghệ	<ul style="list-style-type: none"> - Sở, ban, ngành; - UBND xã, phường. 	2026-2030	Trung tâm dữ liệu hiện đại đáp ứng các nhiệm vụ về phát triển Chính quyền số, kinh tế số, xã hội số của thành phố.

STT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành	Kết quả/Sản phẩm phục vụ phát triển kinh tế số
21	Hợp tác với trường đại học, cao đẳng và viện nghiên cứu trên địa bàn triển khai các chương trình đào tạo chuyên sâu về trí tuệ nhân tạo AI, dữ liệu lớn, chuỗi khối, bán dẫn, an ninh mạng,...	- Sở Khoa học và Công nghệ; - Sở Giáo dục và Đào tạo.	Các trường đại học, cao đẳng trên địa bàn thành phố	2026-2030	Mở các lớp đào tạo chuyên sâu AI, dữ liệu lớn, chuỗi khối, bán dẫn, an ninh mạng
22	Xây dựng Trung tâm Khởi nghiệp và Đổi mới sáng tạo, vườn ươm công nghệ thành phố mang tầm khu vực và vùng Đồng bằng sông Cửu Long để thúc đẩy khởi nghiệp và nghiên cứu các nền tảng ứng dụng phát triển kinh tế số	Sở Khoa học và Công nghệ	- Sở, ban, ngành; - UBND xã, phường.	2026-2030	Trung tâm đổi mới sáng tạo, vườn ươm công nghệ thành phố mang tầm khu vực
23	Phát triển hạ tầng số mạng 5G, mạng Internet băng rộng cáp quang trên toàn địa bàn thành phố. Triển khai mạng 6G tại các Khu công nghệ số, Khu công nghiệp của thành phố.	Sở Khoa học và Công nghệ	Doanh nghiệp viễn thông	2026-2030	100% mạng 5G, mạng Internet băng rộng cáp quang được triển khai trên toàn địa bàn thành phố
24	Xây dựng triển khai các giải pháp giám sát và ứng phó sự cố an ninh mạng tập trung cho toàn thành phố.	Công an thành phố	- Sở, ban, ngành; - UBND xã, phường.	2026-2030	Giải pháp an ninh mạng cho các hệ thống và nền tảng của thành phố
25	Kiên toàn đội ngũ chuyên trách ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng. Tổ chức tập huấn, diễn tập an toàn thông tin mạng trong cơ quan Nhà nước. Đảm bảo hoạt động của Đội Ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng.	Công an thành phố	- Sở, ban, ngành; - UBND xã, phường.	2026-2030	Kiên toàn và duy trì hoạt động thường xuyên của Đội Ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng

